

Số: **303/2020/QĐST-HNGĐ**

Mỹ Tho, ngày 30 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 833/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Mai T**, sinh năm: 1984;
Địa chỉ: Số A đường T, Phường C, Tp M, tỉnh Tiền Giang.
- Bị đơn: Anh **Nguyễn Quốc L**, sinh năm: 1984;
Địa chỉ: Số A đường T, Phường C, Tp M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mai T và anh Nguyễn Quốc L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Mai T**, sinh năm: 1984;
Địa chỉ: Số A đường T, Phường C, Tp M, tỉnh Tiền Giang.
- Bị đơn: Anh **Nguyễn Quốc L**, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Số A đường T, Phường C, Tp M, tỉnh Tiền Giang.

3. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai T và anh Nguyễn Quốc L thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Phát Đ, sinh năm 2009 và Nguyễn Phát T, sinh năm 2016. Chị T và anh L thỏa thuận thống nhất giao 02 con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mỗi tháng anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.0000 đồng/cháu.

Thời gian thực hiện từ khi quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Nguyễn Phát Đ và cháu Nguyễn Phát T đủ 18 tuổi và lao động được. Anh L được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Kể từ ngày quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật, chị T có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng, nếu anh L chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng, chị Nguyễn Thị Mai T tự nguyện nộp. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai thu số 0004501 ngày 01/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, nên xem như nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Tp M;
- CCTHA Tp M;
- UBND Phường C, Tp M;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thúy Hằng

